

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện công tác Dân số và Phát triển năm 2023**

Thực hiện Công văn hướng dẫn số: 06/CCDS, ngày 24/3/2023 của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Kiên Giang về “*Hướng dẫn thực hiện kế hoạch công tác dân số năm 2023*”; Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương,

Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải xây dựng kế hoạch hoạt động và phân bổ chỉ tiêu cho các xã về công tác Dân số & Phát triển năm 2023 như sau:

**I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, tăng cường tư vấn sàng lọc trước sinh và sơ sinh, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng, đáp ứng một phần nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (SKSS/KHHGD) cho các nhóm đối tượng.

**2. Chỉ tiêu (Phụ lục 1, 2 & các phụ lục chuyên ngành chi tiết)**

**2.1. Chỉ tiêu cơ bản và nâng cao chất lượng dân số**

- Dân số trung bình: khoảng 18.213 người
- Tỷ suất sinh: 10.5 ‰
- Mức tăng tỷ lệ sinh: 0,20 ‰
- Tỷ lệ phát triển dân số: 1.04 ‰;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên:  $\leq 10$  ‰
- Tỷ số giới tính khi sinh: 108 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.
- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh: 40%. (92 cas);
- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh: 60%. (139 cas);
- Giảm số vị thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn: 10% so với năm 2022;
- Tăng tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn: 10% so với năm 2022;
- Khám sức khỏe người cao tuổi: tăng thêm 10% so năm 2022.

**2.2. Chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình**

- Số người mới sử dụng các BPTT: 1.314 người.
- Triệt sản: Không giao chỉ tiêu (*Khuyến khích thực hiện*).
- Dụng cụ tử cung : 350 người.
- Thuốc cấy tránh thai : 02 người.
- Thuốc tiêm tránh thai : 100 người.
- Viên uống tránh thai : 422 người.
- Bao cao su : 440 người.
- Tỷ lệ sử dụng BPTT (CPR): 75 %



### **2.3. Chỉ tiêu Trạm Y tế các xã**

- Đề đạt được chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, Trung tâm y Tế huyện giao chỉ tiêu cho Trạm Y tế các xã (phụ lục 1, 2)

- Đề nghị Trạm Y tế các xã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2023, giao chỉ tiêu cụ thể cho từng cộng tác viên thực hiện.

- **Mức giảm tỷ số giới tính khi sinh:** Các xã giao thấp hơn hoặc bằng 108 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

- **Tổng số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại:** bao gồm tất cả các hình thức cấp miễn phí, xã hội hóa hoặc tự chi trả. Đảm bảo giao đủ chỉ tiêu miễn phí để bảo đảm cấp miễn phí BPTT cho các đối tượng ưu tiên có nhu cầu tránh thai, bao gồm người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (gồm cả các cặp vợ chồng, người đơn thân, vị thành niên, thanh niên); người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày; đối tượng có nhu cầu giãn khoảng cách sinh con hợp lý nhằm phòng tránh phá thai và dự phòng vô sinh.

- **Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh** (bao gồm tất cả các hình thức được Nhà nước hỗ trợ và xã hội hội hóa, tự chi trả): Thực hiện bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu được giao. Đề nghị thực hiện cụ thể số trường hợp bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh do Nhà nước hỗ trợ chi phí theo quy định.

- **Tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh** (bao gồm tất cả các hình thức được Nhà nước hỗ trợ và xã hội hội hóa, tự chi trả): Thực hiện bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu được giao. Đề nghị thực hiện cụ thể số trường hợp trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh do Nhà nước hỗ trợ chi phí theo quy định.

- **Giảm số vị thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn:** 10% so với năm 2022.

- **Tăng tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm:** 10% so với năm 2022.

- **Tăng tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn:** 10% so với năm 2022.

## **II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

### **1. Các hoạt động công tác Dân số và phát triển.**

- Hoạt động truyền thông giáo dục: Tiếp tục tuyên truyền các nội dung Dân số và phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 21 của TW về công tác dân số trong tình hình mới...Trên các trang thông tin điện tử, qua hệ thống Đài Truyền thanh, Băng rôn, tờ rơi, Pano...;

- Phối hợp hoạt động các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền công tác Dân số và phát triển như: Đài truyền thanh, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp phụ nữ, Huyện Đoàn thanh niên....

- Tổ chức chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lòng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại các xã thuộc vùng khó khăn, vùng biên, đảo, địa bàn có mức sinh cao, địa bàn trọng điểm kết hợp thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao chất lượng dân số, gắn vấn đề dân số với phát triển bền vững...

- Tham dự các Hội nghị, hội thảo, tập huấn trong và ngoài tỉnh.

- Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức dân số xã và cộng tác viên Dân số.



- Tổ chức các hoạt động giám sát hỗ trợ thường xuyên để triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch trên địa bàn huyện đạt kết quả, ưu tiên các xã xa trung tâm huyện; kiểm tra, giám sát đột xuất và định kỳ theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án Dân số & phát triển: (1) Kế hoạch thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp đến năm 2030, giai đoạn 2021-2025; (2) Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ - KHHGĐ đến năm 2030, giai đoạn 2021-2025; (3) Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025; (4) Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, giai đoạn 2021-2025; (5) Kế hoạch Hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và phát triển; (6) Chương trình tư vấn Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh (7) Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030; (8) Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/thanh niên;

## **2. Kinh phí thực hiện kế hoạch năm 2023**

**2.1. Tổng kinh phí Chương trình Dân số-KHHGĐ năm 2023 (Sở Y tế phân bổ về huyện) Dự kiến:**

Tổng dự toán: **46.126.000 đồng** (Bốn mươi sáu triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn đồng). Trong đó:

- Tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân (trước kết hôn): 2.820.000 đồng;
- Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số: 5.000.000 đồng;
- Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: 27.570.000 đồng;
- Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS-KHHGĐ nâng cao chất lượng dân số tại vùng có mức sinh: 10.736.000 đồng.

## **2.2. Nguồn kinh phí địa phương**

Thực hiện Quyết định số 13/QĐ-UBND, ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang Ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2017 và giai đoạn ổn định ngân sách từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Kinh phí hoạt động thường xuyên (Kinh phí tự chủ): Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và hoạt động thường xuyên.

- Kinh phí Chi thực hiện các hoạt động cho chương trình sự nghiệp dân số nằm trong kinh phí phòng bệnh thực hiện chi được tính trên cơ sở định mức dân số: (9.450 đồng/người dân/năm). Theo Quyết định 06/2021/NQ-HĐND, ngày 14/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định Ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP**

### **1. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình đề án:**

**1.1. Kế hoạch thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp đến năm 2030, giai đoạn 2021-2025:**



Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại các xã thuộc địa bàn có mức sinh thấp và mức sinh thay thế đến năm 2025, địa bàn trọng điểm kết hợp thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao chất lượng dân số. Các địa phương lồng ghép tuyên truyền bằng nhiều hình thức theo tình hình thực tế của địa phương với nội dung: Vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con. Nam nữ nên kết hôn trước 25 tuổi và sinh đủ 2 con trước tuổi 35; Tổ chức cung cấp kiến thức và nội dung truyền thông cho viên chức dân số huyện, xã và cộng tác viên (Có kế hoạch riêng).

### **1.2. Kế hoạch thực hiện Chương trình củng cố phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ - KHHGD đến năm 2030, giai đoạn 2021-2025:**

- Duy trì mức sinh thay thế, tiếp tục vận động nhân dân thực hiện “Sinh đủ 02 con để nuôi và dạy cho tốt”, tuyên truyền vận động người dân không sinh con thứ 3 trở lên. Tiếp tục triển khai các loại hình cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD; Tổ chức chiến dịch tăng cường tuyên truyền vận động lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGD gắn với nâng cao chất lượng dân số tại xã vùng biển, đảo. Chiến dịch cung cấp 04 gói dịch vụ gồm: gói KHHGD, gói khám phụ khoa, gói khám và phát hiện khiếm khuyết thai nhi, gói tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình: Tăng cường năng lực của mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình tại các cơ sở y tế theo phân tuyến kỹ thuật, tiếp tục đào tạo cán bộ cung cấp dịch vụ, nhất là tuyến xã về kế hoạch hóa gia đình, kỹ thuật, tư vấn... Đảm bảo người dân được tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thuận tiện, an toàn, chất lượng; Lồng ghép các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân với các hoạt động cung cấp thông tin và tư vấn cho vị thành niên, thanh niên về cách phòng, chống mang thai ngoài ý muốn tuổi vị thành niên, thanh niên, tránh phá thai không an toàn;

- Cung cấp miễn phí 100% phương tiện tránh thai cho người nghèo, cận nghèo, vùng khó khăn cho các đối tượng theo đúng hướng dẫn và chỉ tiêu kế hoạch tỉnh phân bổ năm 2023. Xây dựng kế hoạch, phân bổ chỉ tiêu cụ thể các biện pháp tránh thai cho từng xã;

- Củng cố kho hậu cần PTTT đảm bảo bảo quản, vận chuyển cung ứng PTTT theo quy định; chỉ đạo tiếp nhận, quản lý, phân phối phương tiện tránh thai và cung ứng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đảm bảo chất lượng dịch vụ và hướng dẫn kỹ thuật trong thực hiện dịch vụ KHHGD cho nhân viên y tế tuyến cơ sở;

- Tăng cường và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đảm bảo hậu cần phương tiện tránh thai (PTTT), phát triển hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT (LMIS) theo hướng bao quát các nguồn PTTT (miễn phí, TTXH, XHH);

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các phương tiện tránh thai trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện KHHGD và đảm bảo hậu cần PTTT tại các tuyến, nâng cao hiệu quả thông tin quản lý hậu cần các PTTT; Lồng ghép tuyên truyền sử dụng PTTT bằng hình thức xã hội hóa,



chuyên dân nhận thức của khách hàng từ bao cấp sang thị trường mua bán, tiến tới các PTTT phi lâm sàng được khách hàng chấp nhận tự chi trả.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình tại Trạm Y tế xã theo Quyết định 134/QĐ-BYT.

- Tiếp tục đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Dân số viên và Cộng tác viên dân số về tư vấn kế hoạch hóa gia đình.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin số liệu, cơ sở dữ liệu điện tử chuyên ngành phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê và đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành trong tình hình mới.

### **1.3. Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn huyện:**

Trên cơ sở Kế hoạch số 139/KH-TTYT, ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải về Thực hiện Đề án “Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh” giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Kiên Hải. Triển khai các hoạt động của Đề án, phổ biến, giáo dục những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Hưởng ứng các hoạt động truyền thông dân số vào tháng 7/2023 (có kế hoạch cụ thể);

### **1.4. Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:**

Kế hoạch thực hiện chương trình hành động Quốc gia về người cao tuổi Giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện, giai đoạn 2022-2025 (UBND huyện phê duyệt số 38/D-UBND, ngày 17/8/2022). Triển khai trên toàn huyện thực hiện theo thông tư số 35/2011/TT-BYT, ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn thực hiện Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi, Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú;

### **1.5. Kế hoạch thực hiện công tác Truyền thông-Giáo dục chuyển đổi hành vi về Dân số và phát triển.**

- Triển khai thực hiện Chương trình Truyền thông về Dân số và phát triển giai đoạn 2023-2025 và định hướng 2030, đồng bộ các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục bao trùm các mặt về công tác Dân số và phát triển.

- Tiếp tục truyền thông thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII; Kế hoạch số 100/KH-UBND, ngày 27/12/2018 của UBND huyện Kiên Hải về tăng cường công tác Dân số trong tình hình mới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và phát triển.

- Tổ chức truyền thông, tuyên truyền ngày Dân số Thế giới 11/7; Tháng hành động quốc gia Người cao tuổi (tháng 10); Ngày tránh thai thế giới 26/9; Ngày thế giới vì trẻ em gái 11/10; các hoạt động Kỷ niệm Ngày truyền thống ngành Dân số Việt Nam (26/12/1961-26/12/2023) nhân Ngày Dân số Việt Nam 26/12 và Tháng hành động Quốc gia về Dân số (tháng 12);

- Tổ chức tập huấn nội dung truyền thông mới về Dân số và Phát triển cho viên chức và cộng tác viên dân số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, huy động cộng đồng và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển trong tình hình mới; Thay đổi



nhận thức của người dân: thực hiện mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con, thời điểm sinh con lần đầu, duy trì khoảng cách giữa các lần sinh, ổn định mức sinh.

- Nội dung truyền thông: Nâng cao việc thực thi pháp luật về dân số; nâng cao chất lượng dân số; kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng và già hóa dân số; duy trì mức sinh thay thế; thực hiện xã hội hóa các phương tiện tránh thai ...

- Truyền thông về lợi ích của khám sức khỏe trước hôn nhân, khám sức khỏe trước khi quyết định mang thai; lợi ích của tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; vai trò của chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN/TN; tác hại của phá thai (đặc biệt truyền thông giảm thiểu tình trạng mang thai ngoài ý muốn và phá thai ở tuổi VTN/TN); Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

### **1.6. Chương trình tư vấn Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh**

+ *Tư vấn tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh*: Triển khai đồng bộ các giải pháp về tuyên truyền giáo dục, chuyên môn, kỹ thuật ... Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao sức khỏe, giảm bệnh, tật bẩm sinh của trẻ sơ sinh. Tổng số ca sàng lọc trước sinh bao gồm tất cả các hình thức miễn phí, tự chi trả hoặc nguồn huy động hợp pháp khác.

+ *Tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân*: Tuyên truyền các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân theo hướng dẫn của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh. Nội dung hoạt động thực hiện theo Quyết định số 25/QĐ-BYT, ngày 7/01/2011 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; sinh hoạt Câu lạc bộ, họp nhóm, nói chuyện chuyên đề ..... lồng ghép vào truyền thông Can thiệp làm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và kết hôn cận huyết thống.

### **1.7. Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số**

- Triển khai thực hiện Chương củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030 trên địa bàn huyện Kiên Hải. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành, đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp số liệu và dự báo các chỉ số dân số học ở các cấp, đưa các chỉ tiêu dân số gắn với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Bảo trì nâng cấp hệ thống máy tính chạy phần mềm mới Mis 2022 tuyến huyện; nhận và đóng cuốn sổ A0; bàn giao sổ A0 mới cho cộng tác viên theo tinh thần chỉ đạo của Tổng cục Dân số-KHHGD; Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thu thập, cập nhật thông tin đầu vào sổ hộ gia đình, thẩm định thông tin, phản hồi thông tin, các thông tin biến động hàng tháng, quý, năm phải đầy đủ kịp thời và chính xác, nhập thông tin biến động và kết xuất số liệu báo cáo thống kê từ kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số; Đồng thời, tham mưu Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh; BGĐ Trung tâm Y tế triển khai các biểu mẫu báo cáo thống kê về các hoạt động tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, sàng lọc trước sinh; tầm soát, sàng lọc sơ sinh; khám khám sàng lọc các bệnh thông thường ở người cao tuổi trên địa bàn huyện, xã; cung cấp dịch vụ dân số cho các cơ sở theo Thông tư số 01/2022/TT-BYT, ngày



10/01/2022 của Bộ Y tế về việc Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

### **1.8. Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số-Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/thanh niên:**

Triển khai các hoạt động Truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm nâng cao kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành của vị thành niên/thanh niên về Kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu 80% vị thành niên/thanh niên hiểu biết cơ bản về một số vấn đề Dân số-Kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, giảm thiểu mang thai ngoài ý muốn; giảm tỷ lệ phá thai không an toàn tuổi vị thành niên, thanh niên, tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

### **2. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức bộ máy**

- Tăng cường vai trò tham mưu tạo sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, chính quyền các cấp, lồng ghép vấn đề dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, huy động sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể có liên quan.

- Củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác Dân số - KHHGD đáp ứng nhu cầu công việc, đặc biệt là viên chức dân số xã, lực lượng cộng tác viên, nhằm tổ chức thực hiện chương trình Dân số và phát triển đạt được chỉ tiêu kế hoạch. Kiện toàn Ban chỉ đạo công tác Dân số-KHHGD các cấp.

### **3. Đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ:**

Ưu tiên và tạo điều kiện cho viên chức trẻ học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn theo đúng Đề án vị trí việc làm và đảm bảo đủ chuẩn theo chức danh nghề nghiệp, đăng ký cho viên chức tham gia học tập lớp đạt chuẩn Dân số viên (theo mã ngạch, hạng dân số viên);

Xây dựng kế hoạch tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Dân số, đặc biệt là tập huấn cho đội ngũ Cộng tác viên, từng bước nâng cao kiến thức, năng lực của đội ngũ cán bộ Dân số từ huyện đến xã, đáp ứng yêu cầu chuyển hướng sang chính sách Dân số và Phát triển.

### **4. Tăng cường kiểm tra, giám sát hỗ trợ**

- Xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá các mặt hoạt động, dự báo và đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu, để có những điều chỉnh phù hợp.

- Thu thập, cập nhật thông tin, tổng hợp báo cáo, phổ biến các thông tin kết quả thực hiện đầy đủ, chính xác kịp thời phục vụ sự chỉ đạo điều hành, quản lý công tác dân số và sức khỏe sinh sản.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng DS&TTGDSK**

- Là đơn vị chủ công tham mưu triển khai Kế hoạch công tác Dân số và phát triển năm 2023 của Trung tâm y tế, tổng hợp, đánh giá các hoạt động Dân số & phát triển đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách của Trung ương và địa phương giao. Hướng dẫn Trạm y tế các xã (trực tiếp là đội ngũ viên chức dân số xã) triển khai các Kế hoạch, Đề án, chương trình về lĩnh vực Dân số & Phát triển của huyện năm 2023.

- Phối hợp các Khoa, phòng, đơn vị trực thuộc, phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện công tác Dân số & Phát triển năm 2023. Định kỳ tổ chức



kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGD tỉnh về công tác Dân số & Phát triển.

- Làm đầu mối theo dõi, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo mọi hoạt động về công tác Dân số & Phát triển năm 2023.

## **2. Các Khoa, Phòng trực thuộc:**

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2023 lồng ghép và phối hợp với Phòng Dân số-TTGDSK triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước, Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và của Sở Y tế về công tác Dân số & Phát triển.

- Đảm bảo các quy định về nguồn lực phục vụ công tác Dân số & Phát triển trên địa bàn huyện như: Định mức kinh phí, nhân lực, biên chế và công tác tuyển dụng cán bộ ở các cấp theo quy định.

## **3. Trạm y tế xã:**

Căn cứ vào nội dung Kế hoạch của Trung tâm y tế xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác Dân số & Phát triển năm 2023 trên địa bàn xã; Tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng ủy, UBND xã, phối hợp với các ban, ngành đoàn thể trong thực hiện các hoạt động công tác Dân số & Phát triển tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động và lập dự toán kinh phí cho công tác Dân số & Phát triển năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải; Căn cứ vào kế hoạch này các Khoa, Phòng và Trạm y tế các xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, định kỳ, hàng tháng, quý và năm báo cáo kết quả thực hiện về Trung tâm y tế (qua Phòng DS-TTGDSK) để tổng hợp báo cáo về Sở y tế và Chi cục DS-KHHGD tỉnh theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- Sở Y tế (Chi cục DS-KHHGD);
- BGĐ. TTYT;
- Phòng DS-TTGDSK;
- Các khoa, phòng chuyên môn;
- Trạm Y tế các xã;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



*Đỗ Quang Vinh*



TRUNG TÂM Y TẾ: HUYỆN KIÊN HẢI

**CHỈ TIÊU CÔNG TÁC DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN NĂM 2023**  
 (Thực hiện theo Công văn số 06/CV-CCDS, 24/3/2023 V/v giao Chỉ tiêu công tác DS & PT)

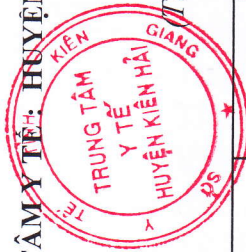
TT	Đơn vị	Tăng tỷ lệ sinh (%)	Giảm Tỷ số giới tính khi sinh (điểm%)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Số người mới thực hiện BPTT hiện đại trong năm (người)	Khám sk định kỳ cho người cao tuổi (%)
A	B	I	2	3	4	5	6
	Toàn Huyện	0.2	0,2	40	60	1,314	50
1	Xã Hòn Tre	0.2	0.2	40	60	302	50
2	Xã Lại Sơn	0.2	0.2	40	60	513	50
3	Xã An Sơn	0.2	0.2	40	60	277	50
4	Xã Nam du	0.2	0.2	40	60	223	50



TRUNG TÂM Y TẾ: HUYỆN KIẾN HẢI

CHỈ TIÊU SỐ NGƯỜI THỰC HIỆN BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI  
SỐ SÀNG LỌC TRƯỚC SINH, SỐ SÀNG LỌC SƠ SINH TRONG NĂM 2023

(Thực hiện theo công văn số 06/CTV-CCDS, 24/3/2023 V/v giao Chỉ tiêu công tác DS & PT)



TT	Đơn vị	TS người mới sử dụng BPTT (người)	Dụng cụ tử cung		Thuốc cấy tránh thai		Thuốc tiêm tránh thai		Viên uống tránh thai		Bao cao su		Sàng lọc trước sinh		Sàng lọc sơ sinh		Tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn (Cặp)	
			Tổng	MP	Tổng	MP	Tổng	MP	Tổng	MP	Tổng	MP	Tổng	MP	Tổng	MP	Tổng	MP
<b>TOÀN HUYỆN</b>		<b>1,314</b>	<b>350</b>	<b>50</b>	<b>2</b>	<b>100</b>	<b>10</b>	<b>422</b>	<b>100</b>	<b>440</b>	<b>100</b>	<b>440</b>	<b>92</b>	<b>0</b>	<b>139</b>	<b>0</b>	<b>48</b>	<b>30</b>
1	Xã Hòn Tre	302	81	12	0	23	2	97	23	101	23	101	21	0	32	0	11	7
2	Xã Lại Sơn	512	136	19	1	39	4	164	39	172	39	172	36	0	54	0	19	12
3	Xã An Sơn	276	73	10	1	21	2	89	21	92	21	92	19	0	29	0	10	6
4	Xã Nam du	224	60	9	0	17	2	72	17	75	17	75	16	0	24	0	8	5